TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2019/DS-ST
Ngày: 09/4/2019
"Về việc tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà***:** Bà **Nguyễn Thị Phương Hoa**
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông: **Nguyễn Huy Trụ**
2/ Ông: **Lã Ngọc Tường**

Th- ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy -** Cán bộ TAND thành phố Việt Trì.

Đại diện VKSND thành phố Việt Trì tham gia phiên toà: Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Việt trì xét xử công khai vụ án thụ lý số: 168/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018 về việc "Chia di sản thừa kế" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 202/2019/ QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự**:**

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Hồng M,** sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu 2, xã P, thành phố V, tỉnh P.

Bị đơn: **Bà Đỗ Thị X,** sinh năm 1939

Địa chỉ: Khu 2, xã P, thành phố V, tỉnh P.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ **Chị Nguyễn Thị S,** sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu 2, xã P, thành phố V, tỉnh P.

2/ **Chị Nguyễn Thị M**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm 2, thôn 14, xã Đ, thành phố B, tỉnh L.

3/**Chị Nguyễn Thị H,** sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu 2, xã Phượng L, thành phố V, tỉnh P.

4/ **Chị Nguyễn Thị N,** sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu 2, xã P, thành phố V, tỉnh P.

5/ **Chị Nguyễn Thị N,** sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu 2, xã P, thành phố V, tỉnh P.

6/ Anh **Nguyễn Kim Á**, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số nhà 1106, đường T, xã L, thành phố B, tỉnh L.

(Chị M, anh Á, chị N vắng mặt, các đương sự còn lại có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng M trình bày:

Bố tôi là Nguyễn Xuân M (đã chết) năm 1989, mẹ tôi là Đỗ Thị X, sinh năm 1939 (trước khi lấy mẹ tôi bố tôi có vợ tên là Vượng đã li hôn). Bố mẹ tôi sinh được 7 người con là Nguyễn Thị S, sinh năm 1967, Nguyễn Thị M, sinh năm 1970, Nguyễn Thị H, sinh năm 1972, Nguyễn Thị N, sinh năm 1976, Nguyễn Thị N, sinh năm 1980, Nguyễn Thị M, sinh năm 1980 và Nguyễn Kim Á, sinh năm 1959 (Anh Á là con vợ cả).

Sinh thời bố mẹ tôi cùng tạo lập được tài sản là 690m2 đất, địa chỉ tại thôn P, xã P, thành phố V, tỉnh P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V616537 do UBND thành phố V cấp ngày 02/12/2012 đứng tên bà Đỗ Thị X.

Nay tôi đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố tôi để lại, phần của tôi, tôi xin được hưởng phần đất hiện nay tôi đã làm nhà trên đó, nếu phải thanh toán cho các chị em khác tôi xin chấp nhận.

Bị đơn là bà Đỗ Thị X trình bày:

Chồng tôi là Nguyễn Xuân M chết năm 1989 và có bẩy người con là: Nguyễn Thị S, sinh năm 1967, Nguyễn Thị M, sinh năm 1970, Nguyễn Thị H, sinh năm 1972, Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1976, Nguyễn Thị N, sinh năm 1980, Nguyễn Thị M, sinh năm 1980 và Nguyễn Kim Á, sinh năm 1959 (Á là con vợ cả).

Sinh thời chúng tôi có tạo lập được khối tài sản chung là 01 nhà ngói ba gian cấp 4 + 690m2 ở thôn P, xã P, thành phố V, tỉnh P. Khi chồng tôi mất tôi có đứng ra lo ma chay vì các con còn nhỏ, nay tôi ở cùng vợ chồng chị N nhưng tôi vẫn phải làm ruộng và cơm nước hàng ngày chưa ai phải nuôi tôi. Hiện nay ba con gái tôi là N, N, M đã về làm nhà ở cùng trên mảnh đất này, một ô đất giáp nhà N đã cắt cho H(vì H chưa có nhà ở đang ở thuê).

Nay cháu M đề nghị chia thừa kế quan điểm của tôi như sau: Nhất trí với đề nghị của cháu M, Tôi đề nghị Tòa án chia đất cho các cháu theo đúng diện tích và vị trí đã làm nhà, các cháu không ai phải thanh toán chênh lệch cho tôi, phần của tôi cho đều

cho 7 con. Vì đất này không thể chia cho 7 con cho nên những người thực sự có nhu cầu thì lấy đất và phải trả tiền cho những người không lấy đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị S trình bày:

Các chị hoàn toàn nhất trí với ý kiến của chị Nguyễn Thị Hồng M và các chị thống nhất trình bày thêm: Chị S đã có nhà đất ở nơi khác nên không lấy đất mà xin thanh toán bằng tiền.Chị H đã được mẹ chia cho một ô đất trong diện tích đất của bố mẹ, chị H chưa có nhà đất nên cũng xin được hưởng ô đất này và thanh toán tiền cho các chị khác.

Nay chị M đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố, mẹ các chị để lại quan điểm của các chị nhất trí với ý kiến của bà X đất không đủ để chia cho các chị em cho nên ai có nhu cầu thực sự, chưa có đất thì xin mẹ chia cho, còn ai đã có nhà thì người được chia đất phải thanh toán bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N trình bày: Tôi là con gái của ông Nguyễn Xuân M (đã chết năm 1989) và bà Đỗ Thị X, sinh năm 1939, gia đình tôi có 7 người con là Nguyễn Thị S, sinh năm 1967, Nguyễn Thị M, sinh năm 1970, Nguyễn Thị H, sinh năm 1972, Nguyễn Thị N, sinh năm 1976, Nguyễn Thị N, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị M, sinh năm 1980 và Nguyễn Kim Á, sinh năm 1959.

Sinh thời bố mẹ tôi cùng tạo lập được tài sản là 690m2 đất, địa chỉ tại thôn P, xã P, thành phố V, tỉnh P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V616537 do UBND thành phố V cấp ngày 02/12/2012 đứng tên bà Đỗ Thị X. Hiện nay có 3 chị em tôi là Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị M đã làm nhà ở trên thửa đất này. Nay chị Nguyễn Thị M đề nghị chia thừa kế tài sản trên của bố tôi. Mẹ tôi khi làm đơn để tách đất chưa hề có cuộc họp gia đình bàn bạc gì, khi làm đơn tách đất mẹ tôi cũng không cho tôi đọc đơn mà bà chỉ bảo tôi đưa chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu phô tô. Tôi bảo cho tôi xem đơn như thế nào thì không cho tôi xem. Trước khi cho đất mẹ tôi nói "mẹ tôi ở với tôi và tôi sẽ có trách nhiệm ở thờ cúng tổ tiên và nuôi mẹ tôi" nên phần còn lại giữa nhà chị Mây và nhà tôi là cho tôi, nếu cứ giữ nguyên như thế tôi không phản đối, nếu ngược lại tôi không đồng ý yêu cầu phân chia theo đúng pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Kim Á và chị Nguyễn Thị M trình bày: Anh Á và chị M đều thống nhất lời khai với các chị S, H, Ngân, N, chị M và bà X về di sản thừa kế, người thừa kế.

Nay chị M đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố, mẹ các anh chị để lại quan điểm của anh Á và chị M đều có ý kiến đề nghị giữ nguyên hiện trạng như hiện nay chị N, N, Mây và H đã được sử dụng. Chị M xin hưởng thừa kế, còn anh Á không có quan điểm gì (nhận hay ko nhận thừa kế).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị M khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật do ông nguyễn Xuân M để lại. Do vậy, đây là tranh chấp chia di sản thừa kế, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Về thời hiệu khởi kiện: ông M mất năm 1989 căn cứ vào các qui định của pháp luật thì còn thời hiệu khởi kiện

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2]Về nội dung: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về di sản thừa kế: Nguồn gốc 01 thửa đất số 02 tờ bản số 23 có diện tích 690 m2 và 01 nhà xây cấp 4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 616537 do UBND huyện thành phố V cấp ngày 2/12/2002 đứng tên bà Đỗ Thị X là tài sản chung của bà X và ông M tất cả các đương sự đều thừa nhận ,không ai có ý kiến khác chính quyền địa phương cũng xác định như vậy). Tại biên bản thẩm định ngày 18/1/2018 thể hiện ngôi nhà cấp 4 vẫn còn nhưng đã cũ nát, nằm ở phía cuối đất hiện nay không còn giá trị sử dụng và không ai ở nữa, các đương sự đề nghị Tòa án không xem xét thẩm định, không đưa vào giải quyết trong vụ án, xét thấy đề nghị này là tự nguyện của các đương sự nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông Mai chết không để lại di chúc, tài sản chung này ½ là thuộc sở hữu của bà X, ½ là di sản thừa kế do ông M để lại cho những người được hưởng thừa kế là : bà X, các chị : S, M, H, N, N, M và anh Á.

Tại Tòa án bà X tự nguyện không nhận di sản thừa kế cũng như phần tài sản của mình, bà đề nghị chia đều cho các con, giữ nguyên hiện trạng như các con bà đã xây nhà ổn định trên đó. Ai không được đất thì người được đất phải thanh toán tiền cho các đồng thừa kế. Đề nghị của bà phù hợp với nguyện vọng của tất cả các đương sự trong vụ án, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Ông M mất năm 1989 khi ấy bà X đứng ra làm ma chay, không ai đặt ra vấn đề này nên tòa án cũng không xem xét giải quyết

Diện tích đất 690 m2 chia đều cho 7 người thì mỗi người được hưởng 98,5 m2 trong đó có 43 m2 đất ở và 55,5 m2 đất vườn, tính trị giá theo giá của hội đồng định giá tài sản ngày 18/1/2018 thì mỗi xuất thừa kế được hưởng 29.300.000,đồng. Nhưng chỉ có 4 người đang sử dụng đất này nên giữ nguyên hiện trạng chia cho 4 chị là: N, Ng, H và M. Đối chiếu với biên bản thẩm định ngày 18/01/2018 thì chị N đang sử dụng 295,9 m2 (trên đất có một ngôi nhà 2 tầng do chị tự xây), chị N đang sử dụng 133 m2 (trên đất có một ngôi nhà 1 tầng do chị tự xây), chị H được bà X cho 125,7 m2, chị M đang sử dụng 150,9 m2 (trên đất có một ngôi nhà hai tầng do chị tự

xây). Mỗi chị sẽ được sử dụng 55 m2 đất ở còn lại là đất vườn. chị N có trách nhiệm thanh toán phần thừa kế cho anh Á (anh Á không thể hiện rõ quan điểm, nên vẫn phải chia cho anh) và chị M. Chị N, chị M, chị H có trách nhiệm thanh toán phần thừa kế cho chị S. Cả 3 chị tự nguyện mỗi chị thanh toán cho chị S phần bằng nhau cần chấp nhận.

So với diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 690 m2 nhưng theo kết quả thẩm định ngày 18/1/2018 của TAND thành phố V thì diện tích thực tế đã đo là 705,5 m2, tăng 15,5 m2, nhưng các đương sự đang sử dụng ổn định không ai có tranh chấp gì, đã xây tường rào xung quanh khuôn viên của mình, nên Tòa án căn cứ vào diện tích thẩm định tại chỗ để giải quyết vụ án.

- Về án phí: các đương sự được hưởng thừa kế phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng M.

Giao cho chị Nguyễn Thị N được sử dụng 295,9 m2 đất, trong đó có 135 m2 đất ở và 160,9 m2 đất vườn(có sơ đồ hiện trạng kèm theo, kí hiệu trong sơ đồ hiện trạng là S1). Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị X, địa chỉ thửa đất: Khu 2 xã P, thành phố V, tỉnh P.

Giao cho chị Nguyễn Thị N được sử dụng 133 m2 đất, trong đó có 55 m2 đất ở và 78 m2 đất vườn(có sơ đồ hiện trạng kèm theo, kí hiệu trong sơ đồ hiện trạng là S4). Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị X, địa chỉ thửa đất: Khu 2 xã P, thành phố V, tỉnh Phú T.

Giao cho chị Nguyễn Thị H được sử dụng 125,7 m2 đất, trong đó có 55 m2 đất ở và 70,7 m2 đất vườn(có sơ đồ hiện trạng kèm theo, có sơ đồ hiện trạng kèm theo kí hiệu trong sơ đồ hiện trạng là S3). Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị X, địa chỉ thửa đất: Khu 2 xã P, thành phố V, tỉnh P.

Giao cho chị Nguyễn Thị M được sử dụng 150,9 m2 đất, trong đó có 55 m2 đất ở và 95,9 m2 đất vườn(có sơ đồ hiện trạng kèm theo, kí hiệu trong sơ đồ hiện trạng là S2). Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị X, địa chỉ thửa đất: Khu 2 xã P, thành phố V, tỉnh P.

Chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho anh Nguyễn Kim Á số tiền là 29.300.000,đồng và thanh toán cho chị Nguyễn Thị M số tiền là 29.300.000,đồng.

Chị Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N mỗi chị phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị S 10.000.000,đồng. Chị Nguyễn Thị H phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị S số tiền là 9.300.000,đồng.

Về án phí: Các chị S, M, H, N, N, M và anh Á mỗi người phải chịu 1.465.000,đồng (một triệu bốn trăm sáu lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 611, 612, 613, 614, 650, 651 - Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng M.

Giao cho chị Nguyễn Thị N được sử dụng 295,9 m2 đất, trong đó có 135 m2 đất ở và 160,9 m2 đất vườn(có sơ đồ hiện trạng kèm theo, kí hiệu trong sơ đồ hiện trạng là S1). Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị X, địa chỉ thửa đất: Khu 2, xã P, thành phố V, tỉnh P.

Giao cho chị Nguyễn Thị N được sử dụng 133 m2 đất, trong đó có 55 m2 đất ở và 78 m2 đất vườn(có sơ đồ hiện trạng kèm theo, kí hiệu trong sơ đồ hiện trạng là S4). Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị X, địa chỉ thửa đất: Khu 2 xã P, thành phố V, tỉnh P.

Giao cho chị Nguyễn Thị H được sử dụng 125,7 m2 đất, trong đó có 55 m2 đất ở và 70,7 m2 đất vườn(có sơ đồ hiện trạng kèm theo, có sơ đồ hiện trạng kèm theo kí hiệu trong sơ đồ hiện trạng là S3). Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị X, địa chỉ thửa đất: Khu 2, xã P, thành phố V, tỉnh P.

Giao cho chị Nguyễn Thị M được sử dụng 150,9 m2 đất, trong đó có 55 m2 đất ở và 95,9 m2 đất vườn(có sơ đồ hiện trạng kèm theo, kí hiệu trong sơ đồ hiện trạng là S2). Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đỗ Thị X, địa chỉ thửa đất: Khu 2 xã P, thành phố V, tỉnh P.

Chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho anh Nguyễn Kim Á số tiền là 29.300.000,đồng và thanh toán cho chị Nguyễn Thị M số tiền là 29.300.000,đồng.

Chị Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N mỗi chị phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị S 10.000.000,đồng. Chị Nguyễn Thị H phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị S số tiền là 9.300.000,đồng.

3/ Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ, khoản 1, điều 12 - nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Các chị S, M, H, N, N, M và anh Á mỗi người phải chịu 1.465.000,đồng (Một triệu bốn trăm sáu lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp 300.000,đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000292 ngày 1/10/2018 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt trì.

"Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND TP,tỉnh*
- *Thi hành án DSTP.*
- *Các đương sự*
- *L- u hồ sơ, án văn*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Hoa